TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số:245/2026/HNGĐ-ST Ngày: 21 - 8 - 2026 V/v "Tranh chấp ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương ;
2. Bà Ngô Thị Mỹ Nhiên.

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kiều Trân – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 14 - Cần Thơ.

Ngày 21 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 391/2026/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2026 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2026/QĐXXST-HN, ngày 15 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thanh N**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: ấp P (Nay là ấp M), xã C, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

- *Bị đơn:* **Trần Văn Phúc A**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp P (Nay là ấp M), xã C, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Nguyễn Thanh N *(Sau đây gọi chị N) trình bày:*

Giữa chị và bị đơn Trần Văn Phúc A (Sau đây gọi anh Phúc A) qua tìm hiểu nhau mà tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Từ đó vợ chồng hay cãi vã nhau, nhiều lần hòa giải hàn gắn tình cảm vẫn không đoàn tụ được, nên sống ly thân từ tháng 8 năm 2025. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh Phúc A.
- Về con chung: Không có con chung.

Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn Trần Văn P Anh vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp ly hôn được qui định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Cần Thơ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Trần Văn Phúc A được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với đương sự.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Phúc A qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 02 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang (Cũ). Nay là xã C, thành phố Cần Thơ nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N: Chị và anh Phúc A trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống mà không có giải pháp khắc phục để hoà giải hàn gắn tình cảm mà đã chọn cách sống ly thân; xét thời gian ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm, lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết, Tòa án tạo điều kiện để hòa giải đoàn tụ. nhưng anh Phúc A vắng mặt và cũng không có ý kiến gì về đời sống hôn nhân với chị N, điều đó chứng minh anh Phúc A cũng không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân hiện tại. Trong khi đó, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, chị N xác định là không còn tình cảm vợ chồng với Phúc A và cương quyết xin ly hôn. Từ đó thấy rằng hôn nhân giữa hai người đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[5] Về con chung: Không có con chung.

[6] Về nợ và tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật. Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025. Các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban T quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Nguyễn Thanh N và Trần Văn Phúc A.

2. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, không xem xét.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyễn Thanh N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010156, ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố C thành án phí, không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, khoản 1 Điều 34, Điều 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 14;
- UBND xã Châu Thành, TP Cần Thơ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Liêm